TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2026/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 21 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988; Số CCCD: 025188010990; Nơi cư trú: Đ (T), phường N, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ba D, sinh năm 1990; Số CCCD: 025090018647; Nơi cư trú: Đ (T), phường N, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Ba D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Ba D thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung. Ly hôn, chị V và anh D thống nhất đề nghị: Chị

Nguyễn Thị V sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Ánh Thùy L, sinh ngày 19/02/2013 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 31/3/2016 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên; anh Nguyễn Ba D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2.*Về tài sản chung, về công nợ chung, công sức đóng góp:* Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Ba D tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V chịu toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị V đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000906 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả chị V 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND khu vực 1;
- THADS tỉnh Phú Thọ ;
- UBND phường Nông Trang;
- Lưu hồ sơ vụ án,VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Liên